


CÔNG TY TNHH TM SƯƠNG MAI

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
FERRIC CHLORIDE

SỨC KHỎE	3
DỄ CHÁY	0
PHẢN ỨNG	2
BẢO VỆ CÁ NHÂN	J

Số CAS: 7705 - 08 - 0 Số UN: 1773 Số đăng ký EC: 231-729-4 Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	
---	---

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên thường gọi của chất: Ferric Chloride - Tên thương mại: Ferric Chloric - Tên khác (không là tên khoa học): Ferric Chloride - Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu: - Tên nhà sản xuất và địa chỉ: - Mục đích sử dụng: Dùng công nghiệp	Mã sản phẩm (nếu có) Không có thông tin Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY TNHH TM SƯƠNG MAI 27, Đồng Khởi, Ninh Kiều, TPCT ĐT:0710 3826699 – Fax: 3833629 0913 870379
--	---


II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT


Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Ferric chloride	7705 - 08 - 0	FeCl₃	100 %


III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT


1. Mức xếp loại nguy hiểm :
Theo HMIS (Mỹ)


- Sức khỏe: 3
- Dễ cháy: 0
- Phản ứng : 2
- Bảo vệ cá nhân: J


 Splash Goggles


 Gloves


 Protective Apron


 Dust Respirator


 Vapor Respirator

(Bảo vệ cá nhân mức J bao gồm: Kính chống bắn tóe, găng tay, yếm bảo hộ, khẩu trang chống bụi, mặt nạ phòng độc)

Các thông tin về mức xếp loại nguy hiểm khác:

Theo WHMIS (Canada)

Chất ăn mòn nhóm E

Chất phản ứng nguy hiểm nhóm F

Các thành phần đánh dấu theo hệ thống đồng nhất toàn cầu (GHS)



Dấu hiệu: **Nguy Hiểm**

2. Cảnh báo nguy hiểm:

Các nguy hại sức khỏe:

- Gây ra vết thủng nặng, tổn thương mắt đau, ph. huỷ hoại mắt và sự sống khi tiếp xúc trực tiếp.
- Đeo kính bảo vệ mắt khi thao tác hóa chất.
- Không ăn, uống, hút thuốc ra khỏi phòng.

Các nguy hại đối với môi trường:

- Độc hại đối với môi trường thủy sinh.

Ngăn ngừa:

- Không để ở nơi nhiệt độ cao/ gần nguồn lửa trần/ gần nơi có tia lửa / trên các bề mặt nóng.
- Không hút thuốc lá.
- Thùng chứa luôn được đóng chặt.
- Nối dây tiếp đất cho công cụ và thiết bị tiếp nhận.
- Chỉ sử dụng các thiết bị điện/ thiết bị thông gió/ thiết bị chiếu sáng không phát tia lửa điện.
- Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa.
- Áp dụng các biện pháp chống hiện tượng phóng tĩnh điện.
- Tránh vào môi trường có bụi hoặc hơi hoá chất.
- Rửa tay thật kỹ sau khi sử dụng, mang vác, tiếp xúc với hoá chất.
- Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc nơi thông thoáng.
- Dùng găng tay, quần áo, kính, mạng che mặt phù hợp khi tiếp xúc với hoá chất.

Lưu trữ:

- Lưu trữ trong môi trường thông thoáng, mát mẻ.
- Đóng chặt thùng chứa.
- Khóa kho cẩn thận.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: chất ăn mòn! Hơi nước gây kích ứng và có thể gây tổn thương mắt. Tiếp xúc có thể gây bỏng nặng và gây tổn thương mắt vĩnh viễn.
- Đường thở: Chất ăn mòn! Hít phải hơi có thể gây ra ho

- Đường da: Chất ăn mòn! gây dị ứng, đỏ rát hoặc bỏng nặng hoặc tạo thành sẹo. Dung dịch đặc có thể gây loét sâu và làm mất màu da.
- Đường tiêu hóa: Chất ăn mòn! Nếu nuốt phải có thể gây nguy hiểm cấp tính, cháy miệng, họng, thực quản, dạ dày-ruột. Có thể gây ra nhiều sẹo.
- Nếu tiếp xúc lâu dài với hơi cô đặc có thể gây mòn răng. Những sự tiếp xúc lâu dài hiếm khi xảy ra do sự ăn mòn của axit.
- Những người bị viêm da hay bị bệnh về mắt từ trước thì dễ bị ảnh hưởng hơn đối với những hiệu ứng của chất này.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt:

- Rửa mắt bằng một lượng nước lớn ít nhất 15 phút trong khi liên tục đẩy mi mắt trên và dưới. Phải gọi bác sĩ ngay lập tức.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da:

- Ngay lập tức tháo bỏ hết quần áo, giày...bị hoá chất bắn vào, phải giặt sạch chúng trước khi đưa vào sử dụng lại. Rửa thật kỹ lưỡng bằng một lượng nước lớn ít nhất 15 phút. Sau đó phải gọi bác sĩ ngay lập tức.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp:

- Chuyển nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm tới nơi thoáng mát. Nếu nạn nhân khó thở cho nạn nhân thở bình oxi. Phải hô hấp nhân tạo ngay nếu nạn nhân ngừng thở. Giữ thật thoải mái và chuyển ngay tới bệnh viện gần nhất.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa:

- Nếu nuốt phải, không được nôn ra, giữ thật thoải mái. Sau đó uống nhiều nước hoặc sữa. Lưu ý không được cho vào miệng nạn nhân bất cứ vật gì. Và ngay lập tức phải chuyển ngay tới bệnh viện gần nhất và có sự điều trị của bác sĩ.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy: Không cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: Chất này khi nung chảy mạnh hoặc tiếp xúc với kim loại tạo thành khí hydro dễ cháy.

3. Các tác nhân gây cháy, nổ: Không được coi là chất dễ nổ.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:

- Sử dụng nước phun. Trung hoà với soda khan hay vôi đã tôi.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:

Nếu cháy, mặc quần áo bảo hộ NIOSH, mặt nạ kín với áp lực tiêu chuẩn. Có thể phun nước để làm mát thùng chứa. Tránh xa những thùng chứa. Phun nước để làm mát thùng chứa tới khi nào lửa tắt.

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ: Có thể phản ứng mạnh với kim loại tạo thành khí hydro dễ cháy.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Tuân theo tất cả các quy định tương ứng của địa phương và quốc tế. Tránh tiếp xúc

với các vật liệu bị tràn đổ hay thất thoát. Vứt bỏ ngay lập tức trang thiết bị nhiễm bẩn. Cách ly khu vực nguy hiểm và không cho những người không có nhiệm vụ hay không được bảo vệ vào khu vực này. Đứng ở đầu gió và tránh những khu vực thấp. Ngăn chặn sự rò rỉ nếu có thể và không gây nguy hiểm. Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy nổ trong khu vực xung quanh. Sử dụng các vật liệu có khả năng hấp thụ (hấp thụ sản phẩm hay mức nước chữa cháy) để tránh làm nhiễm môi trường. Ngăn chặn sự lan rộng hay đi vào cống, rãnh hay sông bằng cách sử dụng cát, đất hay các vật chắn phù hợp khác. Cố gắng phân tán hơi hay hướng dòng của nó vào một vị trí an toàn, ví dụ như sử dụng bụi sương. Sử dụng các phương pháp khuyến cáo chống lại sự tích điện tĩnh. Đảm bảo sự liên tục của dòng điện bằng cách bọc và nối đất tất cả các thiết bị. Theo dõi khu vực với thiết bị báo khí dễ cháy. Phải thông báo cho chính quyền địa phương nếu không khống chế được lượng sản phẩm bị đổ tràn ra. Hơi có thể tạo thành một hỗn hợp có khả năng nổ với không khí.

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:

- Đối với lượng hóa chất bị đổ ít (≤ 1 thùng), vận chuyển bởi các phương tiện cơ học tới thùng chứa có dán nhãn, niêm phong để thu hồi sản phẩm hoặc loại bỏ an toàn. Cho các chất cạn bay hơi hoặc ngâm với chất hấp thụ thích hợp và loại bỏ an toàn. Lầy đất bị ô nhiễm và loại bỏ an toàn.

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng:

Làm thông thoáng nơi rỉ hoặc tràn ra. Loại bỏ các nguồn cháy. Ngăn chặn sự tràn thêm của hoá chất này. Cô lập vùng bị tràn hoá chất nguy hiểm. Không cho những người liên quan vào. Chứa hoặc lấy lại hoá chất nếu có thể. Phải có hệ thống thông gió tốt để khống chế sự bay hơi và phân tán trong khu vực làm việc. Không cho những người không liên quan vào khu vực xảy ra rò rỉ. Nếu tràn ra phải thu gom vào thùng chứa để xử lý. Có thể trung hoà nơi rò rỉ bằng nguyên liệu có tính kiềm hay đá vôi. Sau đó thấm bằng nguyên liệu tro như:

cát khô, đất và đặt trong thùng chứa hoá chất thải. Không dùng những vật liệu dễ cháy như mùn cưa. Không để tràn hoá chất vào cống thoát nước. Sử dụng đúng phương tiện bảo hộ cá nhân. Sử dụng thiết bị bảo hộ phù hợp theo giới hạn tiếp xúc không khí:

- Giới hạn tiếp xúc cho phép theo OSHA (PEL): 5ppm (tối đa)

- ACGIH giới thiệu giá trị ngưỡng : 2ppm (tối đa), được xếp vào nhóm A4-không phải là chất gây ung thư. Trang bị đồ dùng bảo hộ cá nhân theo tiêu chuẩn NIOSH: mặt nạ phòng độc theo tiêu chuẩn NIOSH, nếu gấp 50 lần giới hạn tiếp xúc hay giới hạn nồng độ tối đa thì dùng loại mặt nạ N100 theo tiêu chuẩn NIOSH.

VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

Tránh hít phải hay tiếp xúc với chất này. Chỉ sử dụng ở những nơi thông gió tốt. Rửa sạch hoàn toàn sau khi xử lý. Để có hướng dẫn về việc lựa chọn các phương tiện bảo vệ cá nhân, xem Phần VIII của Phiếu An Toàn Hóa Chất này. Sử dụng thông tin trong bảng dữ liệu này làm thông tin để đánh giá nguy cơ trong những trường hợp cụ thể nhằm xác định được cách kiểm soát thích hợp trong việc bảo quản, lưu trữ và thải bỏ an toàn sản phẩm này.

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm :

- Sử dụng thiết bị và dụng cụ không phát lửa, có hệ thống thông gió tốt để kiểm soát và ngăn ngừa tràn đổ, rò rỉ hoá chất trong khu vực làm việc. Nên sử dụng ống dẫn khí để giữ sự tiếp xúc nằm trong giới hạn. Găng tay, ủng, kính, áo khoác, tạp dề hoặc quần áo liền mảnh cần phải được sử dụng khi tiếp xúc với FeCl₃.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản :

- Lưu trữ trong thùng kín tại nơi khô ráo, thoáng mát, riêng biệt và thông gió tốt, tránh xa nơi có thể gây cháy. Tránh nhiệt, độ ẩm và tránh các vật tương khắc. Bảo quản tránh sự hư hại về mặt cơ lí. Khi hoà tan, luôn tuân thủ thêm FeCl₃ vào nước chứ không bao giờ được làm ngược lại. Không tẩy rửa, sử dụng thùng chứa vì mục đích khác. Những thùng chứa khi hết vẫn có thể gây hại vì chúng chứa bụi, cặn. Tuân thủ các cảnh báo và hướng dẫn cho sản phẩm. Không lưu trữ cùng các chất kiềm. Không trộn cùng các loại axit hoặc chất hữu cơ

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các giới hạn tiếp xúc:

Thành phần	Nguồn	Loại	ppm	mg/m ³	Chú giải
Ferric chloride	OSHA	PEL		2 mg/m ³	
	ACGIH	TWA		2 mg/m ³	

2. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết :

- Bảo vệ mắt: kính bảo hộ
- Bảo vệ mặt: mặt nạ phòng độc theo tiêu chuẩn NIOSH đảm bảo giới hạn tiếp xúc không khí sau:
 - Giới hạn tiếp xúc cho phép theo OSHA (PEL): 5ppm (tối đa)
 - ACGIH giới thiệu giá trị ngưỡng: 2ppm (tối đa), được xếp vào nhóm A4-không phải là chất gây ung thư. Có thể sử dụng mặt nạ phòng độc nếu giới hạn tiếp xúc bị vượt quá 50 lần. Nếu không xác định được mức độ vượt quá giới hạn tiếp xúc, sử dụng mặt nạ phòng độc có tiếp xúc không khí. Chú ý: mặt nạ phòng độc lọc không khí không có tác dụng trong khu vực thiếu oxy.
- Bảo vệ thân thể: quần áo dài tay
- Bảo vệ tay: găng tay an toàn hoá chất
- Bảo vệ chân: giày bảo hộ hoặc ủng.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố:

- Bảo vệ mắt: kính bảo hộ
- Bảo vệ mặt: mặt nạ phòng độc theo tiêu chuẩn NIOSH đảm bảo giới hạn tiếp xúc không khí sau:
 - Giới hạn tiếp xúc cho phép theo OSHA (PEL): 5ppm (tối đa)
 - ACGIH giới thiệu giá trị ngưỡng: 2ppm (tối đa), được xếp vào nhóm A4-không phải là chất gây ung thư. Có thể sử dụng mặt nạ phòng độc nếu giới hạn tiếp xúc bị vượt quá 50 lần. Nếu không xác định được mức độ vượt quá giới hạn tiếp xúc, sử dụng mặt nạ phòng độc có tiếp xúc không khí. Chú ý: mặt nạ phòng độc lọc không khí không có tác dụng trong khu vực thiếu oxy.
- Bảo vệ thân thể: quần áo dài tay
- Bảo vệ tay: găng tay an toàn hoá chất

- Bảo vệ chân: giày bảo hộ hoặc ủng

4. Các biện pháp vệ sinh: Tắm rửa, vệ sinh thân thể sạch sẽ ngay sau khi sử dụng hay tiếp xúc với hoá chất. Phải có chỗ rửa mắt, thuốc hay thiết bị tẩy rửa, gần khu vực làm việc, dán kí hiệu cảnh báo nguy hiểm.

5. Phương pháp theo dõi: Cần giám sát nồng độ của sản phẩm trong khu vực hít thở của công nhân hoặc trong khu vực làm việc nói chung để tuân thủ OEL và kiểm soát tiếp xúc. Đối với một số sản phẩm cũng phải giám sát sinh học phù hợp. Các ví dụ về các phương pháp được khuyến dùng để giám sát không khí được đưa ra dưới đây hay liên hệ với nhà cung cấp. Có thể có sẵn các biện pháp cấp quốc gia. Học viện Quốc gia Hoa Kỳ về An toàn và Vệ sinh lao động (NIOSH): Sổ tay hướng dẫn Phương pháp phân tích <http://www.cdc.gov/niosh/nmam/nmammenu.html> Cục An toàn và Vệ sinh lao động Hoa Kỳ (OSHA): Phương pháp chọn mẫu và phân tích <http://www.osha-slc.gov/dts/sltc/methods/toc.html>. Cơ quan Vệ sinh và An toàn Anh Quốc (HSE): Phương pháp xác định các yếu tố nguy hại <http://hls.gov.uk/search.html>

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: Tinh thể	Điểm sôi (°C): 306°C Phân huỷ 317°C
Màu sắc: màu đỏ lựu	Điểm nóng chảy (°C): 306°C
Mùi đặc trưng: Mùi hơi hăng	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định : Không phù hợp
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn : 190 ở 25°C	Nhiệt độ tự cháy (°C): Không phù hợp.
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn : >1,0	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): Không phù hợp.
Độ hòa tan trong nước: Tan vô hạn trong nước và tỏa nhiệt mạnh	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): Không phù hợp
Độ pH : 0.1 (0.1N), 1.1 (1.0N), 2.02 (0.01N)	Tỷ lệ hóa hơi: Không phù hợp
Khối lượng riêng (kg/m ³) : Không có thông tin.	Khối lượng phân tử: 166,6

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định:

ổn định ở điều kiện sử dụng và bảo quản bình thường.

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: khi được nung nóng tới nhiệt độ phân hủy sẽ sinh ra khí độc hydro clorua (HCl) sẽ phản ứng với nước hay hơi sinh ra nhiệt, khí độc, khí ăn mòn. Trong quá trình phân huỷ oxi hoá nhiệt sẽ sinh ra khí độc clo và khí hydro dễ nổ.

- Phản ứng trùng hợp: không xảy ra

- Phản ứng tương khắc: FeCl₃ cô đặc tương khắc với rất nhiều chất và phản ứng mạnh với các bazơ mạnh, kim loại, Hy-đrô-xít, cacbonat và những nguyên liệu có tính kiềm khác.

- Nên tránh: nhiệt, ánh sáng mặt trời.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Ferric chloride	LD ₅₀	3.124 ppm trong 1 giờ	Hô hấp	Chuột
	LD ₅₀	900mg/kg	Miệng	Thỏ

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người :

Khả năng gây ung thư: Không được phân loại là chất gây ung thư theo các tiêu chuẩn phân loại của ACGIH và IARC

2. Các ảnh hưởng độc khác

- Độc hại khi hít phải. Phá hủy nghiêm trọng các mô của màng niêm mạc và đường hô hấp trên.
- Độc hại khi tiếp xúc qua da. Gây bỏng da.
- Gây bỏng mắt.
- Độc hại khi nuốt phải.

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Ferric chloride	Cá và các loài thủy sinh	Chưa có thông tin	Độc với môi trường thủy sinh

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: Khi vào trong đất, nguyên liệu này có thể sẽ không thoái biến sinh học. Khi vào trong đất, nguyên liệu này có thể ngấm vào mạch nước ngầm.
- Chỉ số BOD và COD: Chưa có thông tin
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: Chưa có thông tin
- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: Chưa có thông tin
- Độ linh động: Nếu sản phẩm đi vào đất, chúng sẽ có khả năng linh động và có thể làm ô nhiễm nước ngầm. Tan trong nước.
- Nguy cơ gây tích lũy sinh học: Không có thông tin..

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ



1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp) - Căn cứ theo quy định hiện hành Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 và các văn bản hướng dẫn.

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: Không có thông tin

3. Biện pháp tiêu hủy: Liên hệ với các cơ quan chức năng để xử lý.

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý : Không có

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.	1773	Ferric chloride	Loại 8	Nhóm III		Chưa có thông tin
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...	1773	Ferric chloride	Loại 8	Nhóm III		Chưa có thông tin

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới : **Chưa có thông tin.**
2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký: **Chưa có thông tin.**
3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:
 - Tiêu chuẩn Việt Nam : TCVN 5507:2002
 - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

- Thông tư 28/2010/TT-BTC ngày 28/06/2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa Chất và Nghị định 108/2008/NĐ-CP.
- Thông tư 04/2012/TT-BCT ngày 13/02/2012 của Bộ Công Thương quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất.

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: **01/01/2011**

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: **01/06/2012**

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: **Công ty TNHH Thương Mại Sương Mai**

Lưu ý người đọc:

- *Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.*
- *Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.*

CÔNG TY TNHH TM SƯƠNG MAI

PHẠM THỊ SƯƠNG MAI